

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 306/2024/HSST

Ngày: 27/6/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tạ Thị Kim Tuyền.

2. Ông Phạm Văn Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 230/2024/HSST ngày 22/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3198/TLST-HS ngày 13/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Ánh Ng ; giới tính: Nữ; sinh ngày 08/8/1968; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số , C , Phường R, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: Số D C , Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Ngày 28/4/1992, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” tại bản án hình sự phúc thẩm số 119/HSPT; đến ngày 01/5/1993, chấp hành xong án phạt tù (bút lục: 72-82). Ngày 26/3/2007, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 31/2007/HSST; đến ngày 17/01/2009, chấp hành xong án phạt tù, đã thi hành hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm (bút lục: 83-86). Ngày 07/02/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 16/2012/HSST; đến ngày 07/9/2014, chấp hành xong án phạt tù, đã thi hành hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm (bút lục: 87-92).

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay - tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu Hồng D ; giới tính: Nam; sinh ngày 11/02/1973; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số B , Phường B, Quận M,

Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: Số C đường T, Phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: dịch vụ giặt ủi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu T (chết) và bà Ngô Thị Lệ C, sinh năm 1950; vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; con: Có 2 người con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 17/4/1989, bị Công an huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đưa vào Trường Giáo dưỡng, về hành vi “Trộm cắp TSCCD”; đến ngày 13/3/1991, chấp hành xong. Ngày 11/9/2000, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” tại bản án số 110/HSST (bút lục: 186-187). Ngày 18/6/2003, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 40/HSST; đến ngày 12/3/2005, chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm (bút lục: 191-194). Ngày 10/7/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 376/2008/HSPT; đến ngày 12/3/2005, chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm (bút lục: 195-202). Ngày 27/01/2010, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 11/2010/HSST; đến ngày 07/12/2011, chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm (BL 204-209). Ngày 26/8/2014, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 207/2014/HSST; đến ngày 20/01/2017, chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm (bút lục: 210-214). Ngày 22/8/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 48/2019/HSST; đến ngày 30/12/2020, chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm (bút lục 215-220).

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay - tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Hữu Hồng D; giới tính: Nam; sinh ngày 12/10/1970; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 129/2 đường Nghĩa Hưng, Khu phố 5, Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông: Nguyễn Đức Oánh (chết) và bà: Nguyễn Thị Hương (chết); vợ: Nguyễn Thị Lan (chết); con: có 01 con, sinh năm 1995; tiền sự, tiền án: Không.

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay - tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Họ và tên: Trần Nguyên Hà; giới tính: Nam; sinh ngày 07/12/1989; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Không có; chỗ ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn Minh (chết) và bà: Nguyễn Thị Phượng (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay - tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh, luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ánh Ng (có mặt).

+ Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: 21 Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 79/5C Trần Văn Đang, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ 20 phút ngày 26/9/2023, tại trước nhà số 005 Lô G, Chung cư , Phường U, Quận R, Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an Quận 10 phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Hữu Hồng D và Nguyễn Tấn Qu về hành vi cất giấu ma túy để sử dụng, thu giữ cùng vật chứng là 0,2868 gam ma túy, loại Methamphetamine (bút lục 284-285).

Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày 26/9/2023, tại trước nhà số 266/78/10 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an Quận 10 tiếp tục phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Nguyên H về hành vi cất giấu ma túy để sử dụng, thu giữ cùng vật chứng là 0,2963 gam ma túy, loại Methamphetamine (BL 346-347).

Mở rộng điều tra, Nguyễn Hữu Hồng D , Nguyễn Tấn Qu và Trần Nguyên H khai mua ma túy của Trần Thị Ánh Ng nên đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày 26/9/2023, Công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Ánh Ng (tại địa chỉ số D đường V, Phường E, Quận T) thu giữ tổng cộng, gồm: 38,3199g Methamphetamine; 0,4160g Methamphetamine, Ketamine (bút lục: 125-128).

Ngày 27/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an Quận 10 ra Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thị Ánh Ng để điều tra (bút lục 108-109).

Vật chứng là ma túy thu giữ của các bị cáo nêu trên đã được giám định, kết quả thể hiện tại các bản Kết luận giám định số: 10672, 10673 và 10677/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 31, 33, 35).

Kết quả điều tra xác định: Vào đầu năm 2023, Trần Thị Ánh Ng mua ma túy của người phụ nữ tên Ngọc (không rõ lai lịch) tại khu vực trước nhà số 166/22A/7 Hồ Bá Kiện, Phường 15, Quận 10 để sử dụng. Đến tháng 8/2023, Trần Thị Ánh Ng mua của Ngọc 20 gam ma túy, loại Methamphetamine với giá 7.600.000 đồng mang về nhà (địa chỉ số D, đường C, Phường N, Quận 10) cất giấu, phân chia thành các gói nhỏ để bán cho người khác giá 200.000 đồng/gói, thu lợi 10.000.000 đồng; số ma túy còn lại chưa bán được thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ vào ngày 26/9/2023 như nêu trên. Trong đó, Trần Thị Ánh Ng đã 02 lần bán ma túy cho Hà, Quyền vào các ngày 22 và 26/9/2023, mỗi lần 01 gói ma túy, loại Methamphetamine với giá 200.000 đồng, cụ thể:

- Lúc 10 giờ 00 phút ngày 26/9/2023, Nguyễn Hữu Hồng D và Nguyễn Tấn Qu góp mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng. Sau đó, Nguyễn Hữu Hồng D điều khiển xe mô tô hiệu SYM Excel biển số

59N1-512.52 chở Quyền đi mua ma túy. Khi đến gần nhà Trần Thị Ánh Ng , Nguyễn Hữu Hồng D dừng xe để Quyền đi bộ đến nhà số D, đường C Tháng Tám, Phường F, Quận P mua của Trần Thị Ánh Ng 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2868 gam với giá 200.000 đồng. Quyền giấu ma túy trong túi quần và quay lại chỗ Nguyễn Hữu Hồng D thì bị phát hiện, bắt quả tang như trên (bút lục: 250-259; 306-315).

- Lúc 13 giờ 20 phút ngày 26/9/2023, Trần Nguyên H điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Hayate biển số 54M4-3490 đến nhà của Trần Thị Ánh Ng tại địa chỉ nêu trên mua của Trần Thị Ánh Ng 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2963 gam với giá 200.000 đồng. Hà cất giấu ma túy trong người, đi đến trước nhà số D đường T , Phường F, Quận 10 thì bị phát hiện, bắt quả tang như trên (BL 360-371).

+ *Vật chứng thu giữ*: Đã được liệt kê tại Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/278 ngày 15/4/2024 giữa Cơ quan CSĐT (PC04) Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản Cáo trạng số 184/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố để xét xử đối với các bị cáo:

- Trần Thị Ánh Ng , về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D và Trần Nguyên Hà, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trần Thị Ánh Ng , Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D và Trần Nguyên H đã khai nhận toàn bộ hành vi “Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy” của mình cùng đồng phạm; nội dung các bị cáo khai nhận phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án, trình bày lời luận tội, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; đã khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với các bị cáo Trần Thị Ánh Ng , Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D và Trần Nguyên H về tội danh, điểm, khoản và điều luật viện dẫn là có căn cứ pháp luật, không oan sai. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Ánh Ng từ 16 năm đến 17 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung 10 triệu đồng nộp sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên phạt: bị cáo Nguyễn Tấn Qu từ 02 năm đến 03 năm tù, bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D từ 02 năm đến 03 năm tù, bị cáo Trần Nguyên H từ 02 năm đến 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và xử lý đồ vật, tài sản thu giữ trong vụ án theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ánh Ng , luật sư thống nhất với nội dung vụ án, tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về các tình tiết: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ đã mất, sống một mình không có người thân thích, bị cáo sinh năm 1968 đã lớn tuổi, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật chưa đầy đủ. Đề nghị xử phạt bị cáo 16 năm tù và giảm mức hình phạt tiền bổ sung, cho bị cáo có điều kiện chấp hành được toàn bộ bản án.

Bị cáo Trần Thị Ánh Ng thống nhất với quan điểm của luật bào chữa cho mình, không tranh luận và tự bào chữa bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D và Trần Nguyên H không tự bào chữa và tranh luận; lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và mong muốn được xem xét hưởng mức nhẹ để có cơ hội sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên) trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận trong giai đoạn điều tra tự nguyện khai báo; bị cáo, người bào chữa đều không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nêu trên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Trần Thị Ánh Ng , Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D và Trần Nguyên H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với nhau; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (khám xét; tạm giữ đồ vật - tài liệu; niêm phong và mở niêm phong vật chứng; nhận dạng; đối chất), bản Kết luận giám định, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do nghiện ma túy, muốn kiếm tiền tiêu xài và có ma túy để sử dụng nên từ khoảng tháng 8/2023, bị cáo Trần Thị Ánh Ng đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính. Nguồn ma túy, Trần Thị Ánh Ng mua của các đối tượng (không rõ lai lịch) mang về nhà cất giấu, phân chia thành các gói nhỏ để bán với giá 200.000 đồng/gói ma túy đá.

Tính đến ngày bị bắt: Trần Thị Ánh Ng đã 02 lần, mỗi lần bán 01 gói ma túy đá cho các bị cáo Nguyễn Tấn Qu và Nguyễn Hữu Hồng D (cùng nhau hùn mỗi người 100.000 đồng mua ma túy của Trần Thị Ánh Ng để sử dụng chung) vào ngày 22/9/2023 và ngày 26/9/2023, bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ của

các bị cáo Quyền và Nguyễn Hữu Hồng D 01 (một) gói ma túy có khối lượng 0,2868g, loại Methamphetamine.

Ngoài ra cũng trong ngày 26/9/2023, Trần Thị Ánh Ng đã bán cho bị cáo Trần Nguyên H 01 gói ma túy đã đang cất giấu để sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ của Hà 01 gói ma túy có khối lượng 0,2963g, loại Methamphetamine .

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở, Công an thu giữ của bị cáo Trần Thị Ánh Ng toàn bộ số ma túy đang cất giấu nhằm mục đích sử dụng và mua bán, tổng cộng gồm: 38,3199g Methamphetamine; 0,4160g Methamphetamine, Ketamine (bút lục: 125-128).

Như vậy, với khối lượng các chất ma túy ở thể rắn bị thu giữ và hành vi nêu trên của các bị cáo có cơ sở để xác định:

- Bị cáo Trần Thị Ánh Ng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo Quyền, Nguyễn Hữu Hồng D và Hà với tổng khối lượng các chất ma túy ở thể rắn là 38,9030g Methamphetamine và 0,4160g Methamphetamine, Ketamine, bao gồm: 0,2868g Methamphetamine (bán cho các bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D và Quyền bị thu giữ); 0,2963g Methamphetamine bán cho bị cáo Hà bị thu giữ; và 38,3199g Methamphetamine và 0,4160g Methamphetamine, Ketamine (thu giữ của Trần Thị Ánh Ng khi khám xét).

Hành vi của bị cáo Trần Thị Ánh Ng , đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” – tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); thuộc trường hợp: “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng các chất đó tương đương khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*”.

- Các bị cáo: Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về hành vi cất giấu trái phép 0,2868 gam Methamphetamine; Trần Nguyên H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cất giấu trái phép 0,2963 gam Methamphetamine; với mục đích để sử dụng mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn Qu , Nguyễn Hữu Hồng D và Trần Nguyên Hà, đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” - tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Ánh Ng là đặc biệt nghiêm trọng, của các bị cáo còn lại là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ tư lợi bất chính, vì tính chất siêu lợi nhuận của tội phạm về ma túy, cũng như nhằm thỏa mãn nhu cầu bất chính của bản thân, các bị cáo vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước và pháp luật xử phạt nghiêm khắc để phạm tội với lỗi cố ý.

Trong vụ án, các bị cáo Quyền và Nguyễn Hữu Hồng D phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự bàn bạc, phân công nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức; các bị cáo cùng nghịên ma túy nên rủ nhau hùn tiền và cùng đi mua ma túy để sử dụng chung nên vai trò như nhau.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt.

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án tính đến ngày bị bắt, bị cáo Trần Thị Ánh Ng đã ít nhất từ 02 lần trở lên thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy (trong đó, mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm, còn thời hiệu và chưa bị xử lý) nên thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.2]. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm theo quy định tại các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các bị cáo Hà và Quyền phạm tội lần đầu và về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đối với các bị cáo Trần Thị Ánh Ng và Nguyễn Hữu Hồng D đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội bị xét xử (trong đó: bị cáo Trần Thị Ánh Ng 02 lần bị xét xử về tội do cố ý; bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D liên tục phạm tội từ năm 2000 đến năm 2019, mới chấp hành xong hình phạt vào năm 2020); mặc dù các bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích nhưng thể hiện thái độ xem thường pháp luật, lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

[4.3]. Xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Về hình phạt đặt ra phải nghiêm minh, cần có một thời gian đủ dài cách ly các bị cáo khỏi xã hội tương ứng theo quy định tại khung hình phạt bị áp dụng, mới đủ tác dụng của hình phạt để giáo dục, răn đe từng bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4.4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Thị Ánh Ng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để thu lợi bất chính nên cần căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo nộp phạt một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[5]. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội danh, điểm, khoản và điều luật viện dẫn là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai; mức hình phạt đề nghị đối với từng bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận và không chấp nhận quan điểm quan điểm bào chữa của luật sư, ý kiến của bị cáo về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

[6.1]. Các gói niêm phong, bên trong là số ma túy còn lại sau giám định là chất ma túy độc hại cấm tuyệt đối lưu hành và các đồ vật không có giá trị sử dụng dùng cất giấu, sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy; cụ thể như sau:

- 07 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số “2104/23 Q10, Gói 1,2,3,4,5”; số “2099/23 Q10” và “2100/23 Q10” có chữ ký Giám định viên Bùi Công D (PC09) và Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 ống nhựa tròn; 01 cây kéo; 12 gói nylon (thu giữ của bị cáo Trần Thị Ánh Ng).

[6.2]. Đối với tài sản thu giữ của bị cáo, qua điều tra là phương tiện liên lạc dùng phạm tội và tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước; không liên quan tội phạm thì trả lại cho bị cáo. Cụ thể

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 190.000 đồng đã gửi vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 (thu giữ của bị cáo Trần Thị Ánh Ng).

- 01 điện thoại di động hiệu Itel (thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D)

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (thu giữ của bị cáo Hà).

[6.3]. 01 xe mô tô hiệu SYM Excel biển số 59N1-512.52: Kết quả điều tra thể hiện số khung, số máy không thay đổi, xe do bà Đỗ Thị Kim Thành đứng tên chủ sở hữu và đã bán cho ông Trần Ngọc Hải nhưng không làm thủ tục sang tên. Sau đó, ông Hải bán cho bà Nguyễn Thị Dề nhưng không làm thủ tục sang tên; do bà Dề không còn ở địa phương, chưa xác định được đang ở đâu nên chưa ghi được lời khai làm rõ. Chị Nguyễn Thị Thu (vợ của Nguyễn Hữu Hồng D) khai mua xe của 1 người (không rõ lai lịch) nhưng không có giấy tờ chứng minh và bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D sử dụng xe làm phương tiện phạm tội.

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hayate biển số 54M4-3490. Kết quả điều tra thể hiện số khung, số máy không thay đổi, do bà Lê Thị Tuyết Hoa đứng tên chủ sở hữu, bán cho bà Danh Thị Sâm Bal nhưng không làm thủ tục sang tên; bà Bal bán cho ông Nguyễn Tùng nhưng không làm thủ tục sang tên; ông Tùng không xác định được đã bán xe cho ai. Trần Nguyên H khai mua xe của người không rõ lai lịch, không làm thủ tục sang tên và dùng làm phương tiện phạm tội.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy nêu trên nhưng đến nay chưa có người liên hệ giải quyết.

Xét, đối với 02 xe gắn máy nêu trên qua điều tra là tài sản có nguồn gốc hợp pháp nhưng chưa xác định được chủ sở hữu. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm và trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn, nếu không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Đối với các đối tượng tên Ngọc đã bán ma túy cho Trần Thị Ánh Ng và những người khác đã mua ma túy của Trần Thị Ánh Ng : Do không xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có căn cứ để xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật (bút lục: 171-174).

Đối với các số điện thoại liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Trần Thị Ánh Ng , Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn yêu cầu các Công ty viễn thông cung cấp thông tin, dữ liệu để làm rõ nhưng chưa có kết quả (bút lục: 18-21). Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh làm rõ, đủ cơ sở thì xử lý theo quy định pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo Trần Thị Ánh Ng 17 (mười bảy) năm tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2023.

- Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.1. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn Qu 02 (hai) năm tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2023.

2.2. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu Hùng Nguyễn Hữu Hồng D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2023.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Trần Nguyên H 02 (hai) năm tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2023.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2104/23 Q10, Gói 1” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2104/23 Q10, Gói 2” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2104/23 Q10, Gói 3” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2104/23 Q10, Gói 4” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2104/23 Q10, Gói 5” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2099/23 Q10” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói niêm phong ghi chữ “2100/23 Q10” có chữ ký ghi tên Giám định viên Bùi Công D (PC09), Điều tra viên Đặng Công Thành (PC04), bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) ống tròn nhựa, nắp màu xanh; 01 cây kéo bằng kim loại; 10 (mười) gói nylon rỗng; 02 (hai) túi nylon màu đỏ; 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) ống hút nhựa.

4.2. Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Samsung màu xanh, thu giữ của Trần Thị Ánh Ng (đã cũ, trầy xước, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 190.000 đồng đã gửi vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 (thu giữ của Trần Thị Ánh Ng theo Giấy nộp tiền ngày 26/02/2024 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel, thu giữ của Nguyễn Hữu Hồng D (...5317, cũ nát, pin phù, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Nokia, thu giữ của Trần Nguyên H (...9000, cũ nát, pin phù, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 (một) cân điện tử.

4.3. Tiếp tục tạm giữ: 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu SYM, số loại Excel, dung tích xi lanh: 150, BS: 59N1-512.52, SK: RLGHA15AM7D011846; SM: VMVS1AD011846 (xe bể nát chỉ còn khung xương 02 bánh và lốc máy, máy móc bên trong không kiểm tra); 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Suzuki, số loại: Hayate, dung tích xi lanh: 124, BS: 54M4-3490, SK: RLSCF4EH090100344; SM: F4A5153744 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra); giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm và trả lại tài sản cho chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy nêu trên. Hết thời hạn, nếu không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

(Vật chứng: Theo Biên bản tang tài vật số: NK2024/278 ngày 15/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Bị cáo; (4)
- Đương sự; (1)
- Luật sư; (1)
- THAHS; (4)
- PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (28) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh